

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO 3

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Chương trình công tác năm 2020 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 98/VPCP-TH ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và hoàn thành dự thảo Nghị định “Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số”. Bộ GDĐT kính trình Chính phủ xem xét, phê duyệt Nghị định “Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số” (sau đây gọi tắt là Nghị định) với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi chính sách cán bộ đối với người dân tộc thiểu số (DTTS) là một nội dung trọng yếu trong chính sách dân tộc. Chính sách không chỉ có ý nghĩa trong việc đảm bảo quyền tham chính, quyền bình đẳng của đồng bào các dân tộc mà còn tạo ra yếu tố nội lực thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS, MN) phát triển.

Để tạo nguồn cán bộ người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới và hải đảo, ngày 14/11/2006 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 134/2006/NĐ-CP quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; sau đó, Nghị định này được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015. Nghị định về công tác cử tuyển ra đời đã giải quyết được căn bản sự thiếu hụt về số lượng và chất lượng cán bộ, công chức, viên chức đối với các DTTS và vùng DTTS, MN.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, chính sách đào tạo cử tuyển đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, dẫn

đến sinh viên cử tuyển đào tạo ra nhiều nhưng không bố trí được việc làm; bất cập trong quy hoạch và cơ cấu cán bộ theo dân tộc và ngành nghề đào tạo, khiến cho số sinh viên cử tuyển tốt nghiệp ra trường dư thừa nhiều nhưng cán bộ của các dân tộc có nguồn nhân lực thấp (gồm 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người và một số dân tộc: Kháng, Gia Rai, Ba Na, Mông, Thái, Khmer, Raglai, Xtiêng, Kơ Mú, Co, Giẻ Triêng) vẫn thiếu; nhiều ngành nghề rất cần thiết nhân lực tại chỗ để đảm bảo đời sống dân sinh và phát triển cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo lại không có cán bộ; chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển thấp chưa đáp ứng được yêu cầu của nguồn nhân lực trong giai đoạn hiện nay.

Trước thực trạng trên, Luật Giáo dục đã được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 năm 2019 (có hiệu lực thi hành vào tháng ngày 01/7/2020) đã có một số nội dung thay đổi về chế độ cử tuyển, tại khoản 4 Điều 87 của Luật quy định: “Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển; việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển và việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau tốt nghiệp”;

Mặt khác, việc xây dựng Nghị định “Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số” còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội “Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030” và Nghị quyết số 12/NQ-GP ngày 15/02/2020 của Chính phủ Triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

Bộ GDĐT nhận thấy cần thiết đề nghị Chính phủ xem xét ban hành Nghị định “Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số” (sau đây gọi tắt là Nghị định).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Xây dựng Nghị định nhằm hướng dẫn triển khai thực chế độ cử tuyển, quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình cử tuyển, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển được quy định tại Điều 87 Luật Giáo dục 2019 ngày 14/6/2019 (khắc phục những hạn chế, tồn tại, bất cập về chế độ cử tuyển được quy định tại

Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ Quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ).

2. Quan điểm

Thực hiện chế độ cử tuyển đảm bảo tính công khai, minh bạch trong xét chọn và hiệu quả, chất lượng trong đào tạo, bố trí việc làm.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày 25 tháng 12 năm 2019 Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quyết định số 4928/QĐ-BGDĐT Ban hành Chương trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề án và quyết định cá biệt của Bộ GDĐT năm 2020, trong đó có nhiệm vụ soạn thảo Nghị định thay thế Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Bộ GDĐT đã ban hành Kế hoạch và thành lập Ban soạn thảo xây dựng Nghị định, gồm: Trưởng ban, đại diện lãnh đạo Bộ GDĐT; Phó trưởng ban, đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ; các thành viên gồm đại diện: Vụ KGVX-VPCP và các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban Dân tộc; các đơn vị thuộc Bộ.

3. Tiến hành họp Ban soạn thảo xây dựng đề cương Nghị định, dự thảo Nghị định, dự thảo Tờ trình Chính phủ.

4. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ GDĐT đã tiến hành tổng kết thực hiện chế độ cử tuyển theo Nghị định số 134/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 Chính phủ ban hành quy định chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức khảo sát và xin ý kiến trực tiếp tại một số tỉnh đang thực hiện chế độ cử tuyển và các cơ sở đang đào tạo sinh viên cử tuyển; tổ chức hội thảo xin ý kiến góp ý trực tiếp tại TP. Hồ Chí Minh gồm 20 tỉnh (đã và đang có sinh viên cử tuyển) và 05 cơ sở đào tạo sinh viên cử tuyển phía Nam; tại Hà Nội gồm 16 tỉnh (đã và đang có sinh viên cử tuyển) và 8 cơ sở đào tạo sinh viên cử tuyển phía Bắc.

5. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tiến hành đăng dự thảo Nghị định trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của cổng thông tin của Bộ GDĐT để lấy ý kiến tham gia, góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân (từ ngày 11/3/2020 đến ngày 11/5/2020).

6. Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương. Tính đến nay, Bộ GDĐT đã nhận được ý kiến góp ý của 41 cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân. Trong đó, có ý kiến góp ý của 09 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 09 ý kiến góp ý của UBND tỉnh/thành phố; 02 kiến góp ý của Sở Nội vụ; 16 ý kiến góp ý của Sở Giáo dục và Đào tạo; 05 ý kiến cá nhân.

7. Ngày tháng 5 năm 2020, Bộ GDĐT hoàn thiện hồ sơ Nghị định gửi Bộ Tư pháp đề nghị kiểm tra hồ sơ và thẩm định dự thảo Nghị định.

8. Ngày / /2020, Bộ Tư pháp có Báo cáo số...../BC-BTP thẩm định dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và cơ quan, tổ chức có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ GDĐT đã nghiên cứu, tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo Nghị định theo các ý kiến góp ý trên và hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục Nghị định

a) Tên dự thảo Nghị định: “Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số”.

b) Dự thảo Nghị định gồm 5 chương, 22 Điều:

- Chương I - Những quy định chung (gồm 5 Điều);
- Chương II - Tiêu chuẩn, chỉ tiêu và quy trình cử tuyển; đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển (gồm 6 Điều);
- Chương III - Xét tuyển, bố trí việc làm và bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo (gồm 5 Điều);
- Chương IV - Tổ chức thực hiện (gồm 4 Điều);
- Chương V - Điều khoản thi hành (gồm 2 Điều).

2. Nội dung cơ bản của Nghị định

2.1. Chương I gồm 5 Điều, từ Điều 1 đến Điều 5 quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc cử tuyển, quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển. Trong đó:

a) Điều 1 nêu rõ quy định chế độ cử tuyển theo Điều 87 Luật Giáo dục 2019 gồm những nội dung: tiêu chuẩn, chỉ tiêu, quy trình cử tuyển, đào tạo và kinh phí thực hiện chế độ cử tuyển; xét tuyển, bố trí việc làm, bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển và tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển.

b) Điều 2 quy định rõ đối tượng cử tuyển được quy định Điều 87 Luật Giáo dục 2019 và các đối tượng có liên quan đến thực hiện chế độ cử tuyển:

- Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người;

- Học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

- Các cơ sở giáo dục trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện chế độ cử tuyển.

c) Điều 3 giải thích rõ các khái niệm: cử tuyển, dân tộc thiểu số rất ít người, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:

- Cử tuyển là việc tuyển sinh qua phương thức xét tuyển vào trung cấp, cao đẳng, đại học đối với người học là người dân tộc thiểu số rất ít người; người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số để đào tạo cán bộ, công chức theo yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao và số biên chế công chức được giao; đào tạo viên chức theo nhu cầu công việc, vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Dân tộc thiểu số rất ít người (căn cứ theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ

trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người)

- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (căn cứ theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), bao gồm:

- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có rất ít cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số (căn cứ theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới)

d) Điều 4 quy định về nguyên tắc cử tuyển.

e) Điều 5 quy định quyền và nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển.

2.2. Chương II gồm 6 Điều, từ Điều 6 đến Điều 11 quy định đối tượng cử tuyển, tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển, chỉ tiêu cử tuyển, quy trình cử tuyển, đào tạo cử tuyển, kinh phí đào tạo cử tuyển và cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an. Trong đó:

a) Điều 6 quy định tiêu chuẩn tuyển sinh theo chế độ cử tuyển, bao gồm tiêu chuẩn chung và các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chương trình đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp và cụ thể các hình thức ưu tiên trong tuyển sinh cử tuyển:

- Tiêu chuẩn chung quy định: Người học cử tuyển không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành (*giảm độ tuổi cử tuyển từ 25 xuống 22 tuổi, vì lý do: Nghị định số 134/2006/NĐ-CP được ban hành năm 2006, tại thời điểm đó, chất lượng phổ cập giáo dục còn thấp. Hiện nay, 100% các tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục, hơn nữa, điều kiện kinh tế - xã hội, công tác tạo nguồn đào tạo cán bộ ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi hiện nay so với thời điểm năm 2006 đã có nhiều chuyển biến tích cực; mặt khác, Luật bảo hiểm xã hội hiện nay đã có nhiều thay đổi về thời gian đóng và hưởng bảo hiểm xã hội. Do vậy, việc giảm độ tuổi cử tuyển từ 25 xuống 22 tuổi là phù hợp với thực tế hiện nay.*)

b) Điều 7 quy định chỉ tiêu cử tuyển, trong đó: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, theo thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xét và giao chỉ tiêu cử tuyển cho Ủy ban nhân dân các tỉnh.

c) Điều 8 quy định rõ quy trình cử tuyển gồm: Thông báo kế hoạch cử tuyển, nội dung, hồ sơ đăng ký, thành lập hội đồng cử tuyển và quyết định cử người đi học cử tuyển.

d) Khoản 1 Điều 9 quy định về đào tạo dự bị đại học, cao đẳng đối với người học cử tuyển được phân ra thành 2 đối tượng: đối tượng phải qua đào tạo dự bị để bổ túc thêm kiến thức phổ thông và đối tượng được vào học ngay đại học, cao đẳng mà không phải học dự bị. Quy định này, đảm bảo được tính công bằng trong đào tạo, đẩy nhanh quá trình đào tạo và đào tạo hiệu quả (người trúng tuyển vào đại học, cao đẳng tại năm xét đi học cử tuyển không phải học dự bị mà được chuyển ngay vào đào tạo đại học, cao đẳng);

Khoản 2 Điều 9 quy định cụ thể thời gian hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Quy định này sẽ giải quyết triệt để tình trạng sinh viên cử tuyển học mỗi năm một số tín chỉ và kéo dài thời gian học cử tuyển gây lãng phí nguồn ngân sách đào tạo của Nhà nước.

e) Điều 10 quy định kinh phí đào tạo cử tuyển, trong đó: Kinh phí đào tạo người học theo chế độ cử tuyển do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chi trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục theo quy định về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo ngành, lĩnh vực giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu (thực hiện theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên).

g) Điều 10 quy định cử tuyển vào các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an

2.3. Chương III gồm 5 Điều, từ Điều 12 đến Điều 16 quy định việc xét tuyển, bố trí việc làm và bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo. Trong đó:

a) Điều 12 quy định việc Xét tuyển và bố trí việc làm cho người được cử đi học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

b) Điều 13 quy định quy trình xét tuyển và bố trí việc làm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức (Việc tuyển dụng thông qua xét tuyển đối với người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học).

Tại khoản 6 Điều 13 quy định thời gian người học theo chế độ cử tuyển chờ xét tuyển và bố trí việc làm tối đa là 12 tháng, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ để xét tuyển (theo căn cứ thực tiễn đã triển khai thực hiện tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định số 134/NĐ-CP) và không quy định việc nếu không bố trí được việc làm thì người học được rút hồ sơ tự đi tìm việc làm (Quy định này đã làm giảm “độ mạnh” của Nghị định). Vì vậy, quy định thời gian chờ xét tuyển và bố trí việc là 12 tháng để đảm bảo rằng: Đã cử người đi học cử tuyển là phải bố trí được việc làm sau khi tốt nghiệp.

c) Điều 14 quy định người học theo chế độ cử tuyển thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo:

- Người không chấp hành việc xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp theo cam kết.

- Người có thời gian làm việc sau tốt nghiệp theo vị trí việc làm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều động ít hơn hai lần thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo.

- Người bị kỷ luật thôi việc trong thời gian đang chấp hành nghĩa vụ làm việc theo sự điều động.

Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định không quy định người học phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo trong trường hợp: vi phạm cam kết học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức trong quá trình đào tạo, tự ý bỏ học... lý do: Xuất phát từ thực tiễn việc đào tạo cử tuyển trong các năm qua không thu hồi được tiền bồi hoàn và chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển (chỉ thu được phí bồi hoàn đối với người học cử tuyển sau khi tốt nghiệp, được bố trí việc làm sau đó bỏ việc); mặt khác, đại đa số người học thuộc diện này đều là gia đình có hoàn cảnh khó khăn, quy định bồi hoàn đã khiến nhiều học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số không trở lại địa phương về với gia đình để “tránh trả tiền bồi hoàn”. Vì vậy, Luật Giáo dục 2019 không quy định việc bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học theo chế độ cử tuyển. Vấn đề này, được đưa

vào cam kết giữa cơ quan cử người đi học và người học cử tuyển (khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định).

d) Điều 15 quy định nội dung bồi hoàn, cách tính bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo đối với người học cử tuyển phải thực hiện việc bồi hoàn.

e) Điều 16 quy định việc tiếp nhận, phân công công tác đối với người học theo chế độ cử tuyển tại các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng

2.4. Chương IV gồm 4 Điều, từ Điều 17 đến Điều 20 quy định việc tổ chức thực hiện. Trong đó:

a) Điều 17 quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ liên quan đến công tác cử tuyển gồm: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban Dân tộc.

b) Điều 18 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Chịu trách nhiệm về việc trình đề xuất chỉ tiêu cử tuyển;

- Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục để thực hiện chế độ cử tuyển theo quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và bố trí ngân sách thực hiện. Yêu cầu người học theo chế độ cử tuyển ký các cam kết theo quy định của Nghị định này;

- Hàng năm, tổ chức giao ban giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với cơ sở giáo dục và người học cử tuyển (điều này là sự phối kết hợp giữa cơ sở giáo dục và cơ quan cử người đi học. Từ đó, có sự kiểm tra, đánh giá và chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển). Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển;

- Xây dựng kế hoạch tạo nguồn tuyển sinh cử tuyển trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh trong nguồn cử tuyển được vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú.

c) Điều 19 quy định trách nhiệm của các cơ sở giáo dục:

- Tiếp nhận, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo người học theo chế độ cử tuyển và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người học theo quy định (đây là quy định quan trọng để các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên cử tuyển);

- Định kỳ hàng năm thông báo cho cơ quan cử người đi học về kết quả học tập và rèn luyện của người học theo chế độ cử tuyển, thời gian tốt nghiệp đối với người học năm cuối khoá;

- Bàn giao cho cơ quan cử người đi học hồ sơ của người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp hoặc trong trường hợp thôi học.

d) Điều 20 quy định về chuyển tiếp

2.5. Chương V gồm 2 Điều, từ Điều 21 đến Điều 22 quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

a) Điều 21 quy định về hiệu lực thi hành.

b) Điều 22 quy định về trách nhiệm thi hành.

2.6. Ban hành kèm theo còn có Phụ lục gồm 05 mẫu, gồm:

- Mẫu số 01: Tờ trình đề nghị phê duyệt chỉ tiêu cử tuyển;

- Mẫu số 02: Đơn đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển;

- Mẫu số 03: Giấy xác nhận thường trú tại địa phương;

- Mẫu số 04: Phiếu đăng ký dự xét tuyển vào công chức, viên chức theo chế độ cử tuyển;

- Mẫu số 05: Báo cáo thực hiện kết quả cử tuyển.

3. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định

a) Các đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị định không có sự phân biệt về giới và bảo đảm không làm phát sinh bất bình đẳng giới, bảo đảm quyền của mỗi giới trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định. Do đó, Bộ GDĐT không thực hiện báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng Nghị định.

b) Dự thảo Nghị định có phát sinh 01 thủ tục hành chính “Thủ tục đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển”, Bộ GDĐT đã thực hiện việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính này.

V. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

Báo cáo kèm theo sau khi có ý kiến của Bộ Tư pháp thẩm định.

Trên đây là những nội dung cơ bản của Tờ trình Chính phủ dự thảo Nghị định Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

Bộ GDĐT trân trọng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm Tờ trình này:

- Dự thảo Nghị định.
- Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân; bản chụp ý kiến của các Bộ, ngành.
- Bản đánh giá tác động của Nghị định.
- Biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ